

Số: /GPMT-BQL

Bình Dương, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 05/PAV-MT ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Công ty TNHH Đầu tư Phú An Vinh về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy Công ty TNHH Đầu tư Phú An Vinh”;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Đầu tư Phú An Vinh địa chỉ tại lô B-1A1-CN, B-1A2-CN, khu công nghiệp Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy Công ty TNHH Đầu tư Phú An Vinh” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Nhà máy Công ty TNHH Đầu tư Phú An Vinh”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B-1A1-CN, B-1A2-CN, khu công nghiệp Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 3702824959 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2019, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 18 tháng 01 năm 2021. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án

3219866438 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương cấp chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2021, chứng nhận đăng ký điều chỉnh lần thứ 3 ngày 06 tháng 09 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 3702824959.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất tấm nhựa rỗng PP, tấm nhựa PVC, tấm cốppha nhựa PVC, tấm xốp nhựa PE, màn nhựa PE, túi xốp nhựa PE, vải không dệt bằng nhựa PP, xốp bao bì chuyên dụng bằng nhựa, thùng nhựa, tấm cách nhiệt bằng nhựa, hoạt động kinh doanh bất động sản: Cho thuê nhà xưởng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

- Phạm vi: Dự án được triển khai tại lô B-1A1-CN, B-1A2-CN, khu công nghiệp Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương với tổng diện tích địa điểm thực hiện dự án 60.000 m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô các hạng công trình của Dự án:

+ Các hạng mục công trình: Nhà xưởng 1: 12.000 m²; Nhà xưởng 2: 8.153,30 m²; Nhà xưởng 3: 5.062,5 m²; Nhà xưởng 4A: 3.450 m²; Nhà xưởng 4B - Kho thành phẩm: 3.503,40 m²; Nhà văn phòng + Nhà ăn: 837,7m²; Nhà bảo vệ: 24m²; Trạm điện: 25m²; Nhà xe 01: 110m², nhà xe 02: 27,5m²; nhà xe 03-trạm bơm: 750m².

+ Các công trình bảo vệ môi trường: Nhà rác: 75m² bao gồm kho chất thải sinh hoạt 25m², kho chất thải rắn công nghiệp thông thường: 25m², kho chất thải nguy hại: 25m²; Khu xử lý nước thải: 20m²; Hệ thống xử lý khí thải.

+ Đất cây xanh: 12.021,64 m²;

+ Đất giao thông sân bãi: 13.939,96 m².

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình sản xuất phụ kiện từ nhựa: Nguyên liệu → Phối trộn → Gia nhiệt → Ép khuôn → Làm mát → Bán thành phẩm (1).

+ Quy trình sản xuất tấm nhựa rỗng PP, tấm nhựa PVC, tấm cốppha nhựa PVC, tấm xốp nhựa PE, màn nhựa PE, vải không dệt bằng nhựa PP và thùng nhựa rỗng: Nguyên liệu → Kiểm tra chất lượng → Phối trộn → Gia nhiệt → Ép đùn → Làm mát → Dập hình tạo mảng → Cắt tấm (2)

(2) → Cắt dập theo mẫu → Phân loại + (1) → Khắc laser → Thùng nhựa rỗng

(2) → Cắt dập theo mẫu → Phân loại → Khắc laser → Sản phẩm nhựa dạng tấm

+ Quy trình sản xuất tấm nhựa có pha trộn rìa nhựa và phế phẩm (quy trình tái sản xuất rìa nhựa, phế phẩm): Rìa nhựa phế phẩm nhựa từ quy trình sản xuất của Dự án → Cắt → Nghiền → (3)

Nguyên liệu → Kiểm tra chất lượng → Định lượng + (3) → Phối trộn theo tỷ lệ → Đưa vào quy trình sản xuất

+ Quy trình sản xuất của túi xốp nhựa PE, xốp bao bì chuyên dụng bằng nhựa: Nguyên liệu → Kiểm tra chất lượng → Định lượng → Phối trộn → Gia nhiệt → Đùn ép - Thổi nhựa → Làm mát → Dập tạo mảng → Cắt tấm → Bế hộp → Hàn nhiệt → Khắc laser → Thành phẩm

+ Quy trình sản xuất tấm cách nhiệt bằng nhựa: Nguyên liệu → Kiểm tra chất lượng → Gia nhiệt → Cán phức hợp định hình → Cắt cuộn → Đóng gói → Thành phẩm

+ Hoạt động kinh doanh bất động sản: Ngành nghề thuộc danh mục thu hút và phân khu chức năng trong hồ sơ môi trường của khu công nghiệp Bàu Bàng.

- Quy mô công suất sản xuất của dự án:

+ Tấm nhựa rỗng PP: 14.000 tấn/năm;

+ Tấm nhựa PVC: 1.300 tấn/năm;

+ Tấm cốppha nhựa PVC: 1.300 tấn/năm;

+ Tấm xốp nhựa PE: 650 tấn/năm;

+ Màn nhựa PE: 650 tấn/năm;

+ Vải không dệt bằng nhựa PP: 600 tấn/năm

+ Túi xốp nhựa PE: 650 tấn/năm;

+ Xốp bao bì chuyên dụng bằng nhựa: 650 tấn/năm;

+ Thùng nhựa: 50 tấn/năm;

+ Tấm cách nhiệt bằng nhựa: 150 tấn/năm.

+ Diện tích nhà xưởng cho thuê 13.215,80 m² (Trong đó: Nhà xưởng 2: 8.153,30 m²; Nhà xưởng 3: 5.062,5 m²).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Đầu tư Phú An Vinh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Đầu tư Phú An Vinh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Từ ngày tháng 3 năm 2024 đến ngày tháng 3 năm 2034).

Điều 4. Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Đầu tư Phú An Vinh;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Bàu Bàng;
- Công Thông tin điện tử BQL các KCN Bình Dương (đăng tải công khai);
- TB, các PTB;
- Lưu: VT, MT (Th).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Trương Văn Phong

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BQL ngày.....tháng 3 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Nước thải sau xử lý đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bàu Bàng để xử lý, không xả trực tiếp nước thải ra ngoài môi trường.

Biên bản thỏa thuận về việc kết nối hạ tầng kỹ thuật tại khu công nghiệp Bàu Bàng ngày 04/02/2022 do Tổng Công ty ĐT & PTCN-CTCP cấp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:****1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh tại xưởng 1, 4A, 4B được thu gom bằng các đường ống PVC D90mm về 01 bể tự hoại 4 ngăn thể tích 15 m³/bể.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh nhà văn phòng được thu gom bằng các đường ống PVC D90mm về 01 bể tự hoại 4 ngăn thể tích 8 m³/bể.

Tổng lưu lượng của nước thải sinh hoạt của nguồn số 01 và 02 khoảng 9 m³/ngày. Nước thải sau bể tự hoại theo đường ống PVC D216mm về hố ga đầu nối số 1 của KCN Bàu Bàng.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh tại nhà xưởng 2, 3 (nhà xưởng cho thuê) được thu gom bằng các đường ống PVC D90mm về 01 bể tự hoại 4 ngăn thể tích 15 m³/bể. Lưu lượng nước thải 13,5 m³/ngày. Nước thải sau bể tự hoại theo đường ống PVC D216mm về hố ga đầu nối số 2 của KCN Bàu Bàng.

- Nguồn số 04: Nước thải sản xuất từ 10 tháp làm mát với lưu lượng khoảng 7,5m³/lần thải (1 tuần thải 1 lần) thu gom bằng đường ống PVC D34mm dẫn về hố ga thoát nước thải theo đường ống PVC D216mm về hố ga đầu nối số 1 của KCN Bàu Bàng.

- Nguồn số 05: Nước thải sản xuất của đơn vị cho thuê sẽ được thu gom bằng đường ống PVC D216mm về trạm xử lý nước thải do đơn vị thuê tự xây

dựng sau đó thoát nước thải theo đường ống PVC D216mm về hố ga đầu nối số 1 của KCN Bàu Bàng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt công nghệ xử lý: Nước thải sinh hoạt (nguồn số 01, 02, 03) → Bể tự hoại 4 ngăn.

- Công suất thiết kế: 8 m³/bê, 15 m³/bê.

- Hóa chất sử dụng: Không sử dụng.

- Tọa độ vị trí điểm đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp:

+ Vị trí số 1: X = 1244718; Y = 592795.

+ Vị trí số 2: X = 1244773; Y = 593114.

(Theo hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiếu 3⁰).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Công trình ứng phó sự cố:

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

+ Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

+ Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả quá trình hoạt động của hệ thống xử lý.

+ Trường hợp nước thải đầu ra vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong điều kiện hệ thống xử lý nước thải vẫn hoạt động, nước thải sẽ được quay vòng để xử lý lại.

+ Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, sẽ thông báo với KCN về tình trạng, đóng van cửa xả sau đó nhanh chóng khắc phục sự cố. Trường hợp chưa thể khắc phục ngay thì phải tạm ngưng sản xuất khi nào khắc phục xong, nước thải đạt tiêu chuẩn đầu nối mới đưa vào hoạt động trở lại.

+ Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số môi trường đạt tiêu chuẩn cho phép mới được xả thải.

+ Nếu có vấn đề phát sinh, có biện pháp kịp thời để điều chỉnh hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

+ Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của Dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Sóng Thần 3, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Bàu Bàng để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư khu công nghiệp Bàu Bàng và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.6. Thực hiện đúng quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3.7. Thực hiện đúng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc Ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương và các văn bản khác có liên quan theo quy định.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BQL ngày.....tháng năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 1: Hơi nhựa từ dây chuyền máy ép đùn số 1;
- Nguồn số 2: Hơi nhựa từ dây chuyền máy ép đùn số 2;
- Nguồn số 3: Hơi nhựa từ dây chuyền máy ép đùn số 3;
- Nguồn số 4: Hơi nhựa từ dây chuyền máy ép đùn số 4;
- Nguồn số 5: Hơi nhựa từ dây chuyền máy ép đùn số 5;
- Nguồn số 6: Hơi nhựa từ dây chuyền máy ép đùn số 6;
- Nguồn số 7: Hơi nhựa từ dây chuyền máy ép đùn số 7;
- Nguồn số 8: Hơi nhựa từ dây chuyền máy ép đùn số 8;
- Nguồn số 9: Hơi nhựa từ dây chuyền máy ép đùn số 9;
- Nguồn số 10: Hơi nhựa từ dây chuyền máy ép đùn số 10;
- Nguồn số 11: Bụi nhựa phát sinh từ máy nghiền số 1;
- Nguồn số 12: Bụi nhựa phát sinh từ máy nghiền số 2.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền máy ép đùn (nguồn số 01, 02, 03, 04, 05), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1244863; Y = 592803.

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền máy ép đùn (nguồn số 06, 07, 08, 09, 10), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1244873; Y = 592813.

- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý bụi từ máy nghiền nhựa (nguồn số 11, 12), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1244869; Y = 592949.

(Tọa độ theo hệ VN2000 kinh tuyến 105°45', múi 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất (Theo đề nghị và cam kết của Công ty):

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 10.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 10.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.800 m³/giờ

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01, 02, 03: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, chỉ xả khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT áp dụng cột B, Kp = 0,9 và Kv = 1 và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01, 02			06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-		
2	Propylenoxyt	mg/Nm ³	240		
3	Vinylclorua	mg/Nm ³	20		
4	Etylen oxyt	mg/Nm ³	20		
II	Dòng thải số 03				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-		
2	Bụi	mg/Nm ³	180		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01, 02, 03, 04, 05: Khí thải phát sinh từ máy ép đùn được thu gom bằng chụp hút và hệ thống đường ống vào hệ thống xử lý (tháp hấp phụ bằng than hoạt tính) và thoát ra ngoài qua ống thải (D=0,3m; H=11,5m).

- Nguồn số 06, 07, 08, 09, 10: Khí thải phát sinh từ máy ép đùn được thu gom bằng chụp hút và hệ thống đường ống vào hệ thống xử lý (tháp hấp phụ bằng than hoạt tính) và thoát ra ngoài qua ống thải (D=0,3m; H=11,5m).

- Nguồn số 11, 12: Bụi phát sinh từ máy nghiền số 01, 02 được thu gom bằng đường ống mềm vào máy hút bụi di động có túi vải và thoát ra ngoài lỗ trên túi vải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải số 1 từ máy ép đùn (tương ứng nguồn số 01, 02, 03, 04, 05):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút, hệ thống ống dẫn → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 10.000 m³/giờ.

- Thông số kỹ thuật:

+ Chụp hút: Kích thước: 1m x 0,5m x 0,5m.

+ Tháp hấp thụ: Kích thước: D×H=1.5m×3m; Vật liệu: Thép.

+ Quạt hút: Lưu lượng: 10.000 m³/giờ, công suất: 10 Hp.

+ Ống thải: Cao 11,5 m, đường kính 0,3 m.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải số 2 từ máy ép đùn (tương ứng nguồn số 06, 07, 08, 09, 10):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút, hệ thống ống dẫn → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 10.000 m³/giờ.

- Thông số kỹ thuật:

+ Chụp hút: Kích thước: 1m x 0,5m x 0,5m.

+ Tháp hấp thụ: Kích thước: D×H=1.5m×3m; Vật liệu: Thép.

+ Quạt hút: Lưu lượng: 10.000 m³/giờ, công suất: 10 Hp.

+ Ống thải: Cao 11,5 m, đường kính 0,3 m.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.2.3. Hệ thống xử lý bụi từ 02 máy nghiền nhựa (tương ứng nguồn số 11, 12):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi nghiền nhựa → Ống dẫn → Máy hút bụi di động có túi vải.

- Công suất thiết kế: 1.800 m³/giờ.

- Thông số kỹ thuật:

+ Thiết bị lọc bụi di động có túi vải: Túi trên D x H = 400 x 1.000 (mm); Túi dưới D x H = 400 x 600 (mm), vật liệu: polyester.

+ Quạt hút: Lưu lượng: 1.800 m³/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng hóa chất.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:

+ Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý.

+ Trong trường hợp thiết bị gặp sự cố, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

+ Giám sát hệ thống xử lý bụi, khí thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.

+ Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc các trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để giảm tải hoặc dừng hoạt động của các tổ máy để kiểm tra, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải số 1 từ máy ép đùn 01, 02, 03, 04, 05, công suất 10.000 m³/giờ (dòng khí thải số 01)

- Hệ thống xử lý khí thải số 2 từ máy ép đùn 01, 02, 03, 04, 05, công suất 10.000 m³/giờ (dòng khí thải số 02)

- Hệ thống xử lý bụi từ máy hút bụi di động, công suất 1.800 m³/giờ (dòng khí thải số 03)

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

TT	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
1	Tại ống thải của hệ thống xử lý khí thải số 1 từ công đoạn ép đùn (dòng khí thải số 01).	X = 1244863; Y = 592803.

TT	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
2	Tại ống thải của hệ thống xử lý khí thải số 2 từ công đoạn ép đùn (dòng khí thải số 02) (dòng khí thải số 02).	X = 1244873; Y = 592813.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.7. Phải có biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi trong quá trình sản xuất, xử lý nước thải và lưu giữ chất thải.

3.8. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.9. Thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc Ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương và các văn bản khác có liên quan.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BQL ngày.....tháng 3 năm 2024
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Khu vực máy nghiền số 1;
- Nguồn số 2: Khu vực máy nghiền số 2;
- Nguồn số 3: Khu vực máy đập số 1;
- Nguồn số 4: Khu vực máy đập số 2;
- Nguồn số 5: Khu vực máy đập số 3;
- Nguồn số 6: Khu vực máy đập số 4;
- Nguồn số 7: Khu vực quạt hút tháp hấp phụ số 1;
- Nguồn số 8: Khu vực quạt hút tháp hấp phụ số 2.
- Nguồn số 9: Máy cắt 1;
- Nguồn số 10: Máy cắt 2;
- Nguồn số 11: Máy cắt 3;
- Nguồn số 12: Máy cắt 4;
- Nguồn số 13: Máy cắt 5;
- Nguồn số 14: Máy cắt 6;
- Nguồn số 15: Máy cắt 7;
- Nguồn số 16: Máy cắt 8;
- Nguồn số 17: Máy cắt 9;
- Nguồn số 18: Máy cắt 10;

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1244884; Y = 592963.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1244871; Y = 592967.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1244885; Y = 592906.
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1244877; Y = 592906.
- Nguồn số 05: Tọa độ X = 1244871; Y = 592906.
- Nguồn số 06: Tọa độ X = 1244865; Y = 592906.
- Nguồn số 07: Tọa độ X = 1244843; Y = 592820.

- Nguồn số 08: Tọa độ X = 1244827; Y = 592825.
- Nguồn số 09: Tọa độ X = 1244840; Y = 592931.
- Nguồn số 10: Tọa độ X = 1244841; Y = 592930.
- Nguồn số 11: Tọa độ X = 1244842; Y = 592929.
- Nguồn số 12: Tọa độ X = 1244843; Y = 592928.
- Nguồn số 13: Tọa độ X = 1244844; Y = 592927.
- Nguồn số 14: Tọa độ X = 1244856; Y = 592926.
- Nguồn số 15: Tọa độ X = 1244857; Y = 592925.
- Nguồn số 16: Tọa độ X = 1244858; Y = 592924.
- Nguồn số 17: Tọa độ X = 1244859; Y = 592925.
- Nguồn số 18: Tọa độ X = 1244860; Y = 592923.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	≤ 70	≤ 55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	≤ 70	≤ 60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Tách riêng khu vực văn phòng và khu vực sản xuất; Chủ dự án đảm bảo toàn bộ máy móc, thiết bị sẽ được nâng cấp đạt yêu cầu về kỹ thuật trước khi chuyển đến và đưa vào hoạt động sản xuất do đó sẽ hạn chế được phần nào khả năng gây ồn;

- Đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt và vận hành;

- Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên bôi trơn máy móc hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng;
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc thiết bị để giảm rung, giảm ồn;
- Kiểm tra độ cân bằng của các máy móc, thiết bị và hiệu chỉnh nếu cần thiết. Bảo dưỡng các máy móc, thiết bị định kỳ;
- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung cho công nhân;
- Đối với công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị đầy đủ nút bịt tai, bao ốp tai chống ồn;
- Bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại nơi có độ ồn cao;
- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.
- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- 2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG***(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BQL ngày.....tháng 3 năm
2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)***A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Thành phần rác thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
1	Hộp mực in thải bỏ	08 02 04	Rắn	70,00
2	Than hoạt tính đã qua sử dụng trong quá trình xử lý khí thải	12 01 04	Rắn	16.149,6
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	100,00
4	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	100,00
5	Dầu nhớt thải	17 06 01	Lỏng	500,00
6	Giẻ lau dính thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	167,00
	Tổng cộng			58.614,14

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng chất thải rắn (kg/năm)
1	Phế thải (quy trình sản xuất các loại tấm nhựa và thùng nhựa)	13.778,57
2	Phế thải (quy trình sản xuất thùng nhựa)	37,36
3	Tấm cách nhiệt hỏng thải	20.466,05
4	Phế thải (quy trình sản xuất tấm xốp, màn nhựa,	80.000,00

TT	Tên chất thải	Khối lượng chất thải rắn (kg/năm)
	vải nhựa, túi xốp nhựa, phụ kiện nhựa)	
5	Pallet hỏng	1.012,00
6	Dây đai kiện hàng bằng nhựa	3.200,00
7	Giấy vụn, bao bì carton, bao bì nylon	1.200,00
8	Bao bì đựng nguyên liệu thải	400,00
	Tổng cộng	120.093,98

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải sinh hoạt	56.160
TỔNG KHỐI LƯỢNG		56.160

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10 tháng 01 năm 2022.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí thùng chứa rác có nắp đậy, được dán nhãn phân loại; nhóm chất lỏng được chứa trong các can, phuy hóa chất, dầu nhớt thải, tại các khu vực đều có dán nhãn mã số CTNH theo quy định với từng loại chất thải.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: Kho lưu chứa có diện tích 25 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Có kết cấu móng đổ bê tông cốt thép, tường bao bằng gạch, nền tráng xi măng chống thấm và mái lợp tôn, có gờ bao xung quanh tránh chất thải nguy hại rò rỉ ra môi trường xung quanh, đồng thời kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại. Bên trong kho chứa được trang bị dụng cụ PCCC, các thùng chứa cát, xẻng xúc để phòng ngừa, ứng phó sự cố có thể xảy ra tại kho lưu chứa.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông

thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chất thải công nghiệp thông thường phù hợp với từng loại chất thải

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 25 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa có mái che, có tường che chắn xung quanh tránh nắng, mưa, hạn chế chất thải phát tán ra bên ngoài.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa có nắp đậy và bên trong lót bao nilon.

Xung quanh nhà xưởng, văn phòng được bố trí thùng chứa rác có dung tích 50L, 120L nhằm thu gom toàn bộ rác thải sinh hoạt phát sinh tại nhà máy trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý. Hàng ngày, nhà thầu có chức năng theo hợp đồng vào nhà máy để thu gom, vận chuyển, xử lý.

2.3.2. Kho lưu chứa: Trang bị 2 thùng chứa 500 lít có nắp đậy, tập trung ở khu vực chứa chất thải sinh hoạt, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BQL ngày.....tháng 3 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

1. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.

7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

9. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.